

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
HÒA PHÁT
HOA PHAT GROUP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số: *M*/2026/TB-TĐHP
No.: *M*/2026/TB-TĐHP

Hung Yên, ngày 28 tháng 08 năm 2026
Hung Yen, 28th August 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

To: Hochiminh Stock Exchange

1. Tên tổ chức/Name of organization: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT/ HOA PHAT GROUP

- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ Stock code/ Broker code: HPG

- Địa chỉ/Address: Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã Nguyễn Văn Linh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam/ Pho Noi A Industrial Zone, Nguyen Van Linh Commune, Hung Yen Province, Vietnam

- Điện thoại liên hệ/Tel.: 024 628 48 666

Fax:

- E-mail: ir@hoaphat.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán 6 tháng đầu năm 2026 kèm theo công văn giải trình biến động lợi nhuận sau thuế cho Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán 6 tháng đầu năm 2026/
The Audited Separate Financial Statements for the 6-month period ended 30 June 2026 and Explanation of the variance in Profit After Tax in the Audited Separate Financial Statements for the 6-month period ended 30 June 2026.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/08/2026 tại đường dẫn : <https://www.hoaphat.com.vn/>

This information was published on the company's website on 28/08/2026, as in the link:
<https://hoaphat.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*



Tài liệu đính kèm/Attached documents:
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm
toán 6 tháng đầu năm 2026 và Công
văn số 80 ngày 28/08/2026
The Audited Separate Financial
Statements for the 6-month period
ended 30 June 2026 and Official
Dispatch No.80 dated 28th August 2026.

Đại diện tổ chức
Organization representative



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Việt Cường



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG **GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 42

1001
CÔ
KIỂM
ĐẠI
VIỆ
TINH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng Công ty trong kỳ và đến ngày phê duyệt báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Đình Long	Chủ tịch
Ông Trần Tuấn Dương	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Thành viên
Ông Doãn Gia Cường	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Quang	Thành viên
Ông Hoàng Quang Việt	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Thắng	Thành viên
Ông Chu Quang Vũ	Thành viên độc lập
Ông Đặng Ngọc Khánh	Thành viên độc lập
Ông Tạ Tuấn Quang	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2026)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Việt Thắng	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Thu Hiền	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Bùi Thị Hải Vân	Trưởng ban
Bà Ngô Lan Anh	Thành viên
Bà Thái Thị Lộc	Thành viên

Kế toán trưởng

Bà Phạm Thị Kim Oanh	Kế toán trưởng
----------------------	----------------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT

Khu Công nghiệp Phố Mới A, Xã Nguyễn Văn Linh,
Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Việt Thắng
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật

Ngày 28 tháng 8 năm 2026

Số: 0313/VN1A-HN-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (gọi tắt là "Công ty"), được phê duyệt ngày 28 tháng 8 năm 2026, từ trang 05 đến trang 42, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Phạm Nam Phong

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0929-2024-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 8 năm 2026

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ (Phân loại lại)
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.073.142.041.072	1.383.355.031.957
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	547.385.259.764	484.137.929.006
1.	Tiền	111		98.713.492.644	38.764.857.088
2.	Các khoản tương đương tiền	112		448.671.767.120	445.373.071.918
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	124.514.190.411	267.361.105.765
1.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		124.514.190.411	267.361.105.765
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		346.119.681.138	597.532.351.527
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	316.563.453.012	225.070.769.168
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		13.224.320.814	4.685.352.083
3.	Phải thu ngắn hạn khác	135	8	16.331.907.312	367.776.230.276
IV.	Hàng tồn kho	140		2.762.749.330	1.986.588.655
1.	Hàng tồn kho	141		2.762.749.330	1.986.588.655
V.	Tài sản ngắn hạn khác	160		52.360.160.429	32.337.057.004
1.	Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	9	50.411.502.416	30.307.726.930
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		801.548.211	882.220.272
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	15	1.147.109.802	1.147.109.802
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		102.853.923.190.774	97.287.423.659.648
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		1.996.218.461.019	4.195.000.000
1.	Phải thu dài hạn khác	215	8	1.996.218.461.019	4.195.000.000
II.	Tài sản cố định	220		29.822.052.517	38.934.232.937
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	10	24.648.270.365	32.832.232.331
	- Nguyên giá	222		186.555.359.428	187.305.906.852
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(161.907.089.063)	(154.473.674.521)
2.	Tài sản cố định vô hình	227	11	5.173.782.152	6.102.000.606
	- Nguyên giá	228		29.662.833.440	29.662.833.440
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(24.489.051.288)	(23.560.832.834)
III.	Bất động sản đầu tư	240	12	73.001.017.186	79.481.693.590
	- Nguyên giá	241		259.227.056.200	259.227.056.200
	- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(186.226.039.014)	(179.745.362.610)
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	250		7.840.967.750	7.840.967.750
1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		7.840.967.750	7.840.967.750
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	260		100.701.537.820.000	97.117.749.440.000
1.	Đầu tư vào công ty con	261	6	100.621.137.820.000	97.018.349.440.000
2.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	265	6	80.400.000.000	99.400.000.000
VI.	Tài sản dài hạn khác	270		45.502.872.302	39.222.325.371
1.	Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	9	45.502.872.302	39.222.325.371
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280=100+200)		280		103.927.065.231.846	98.670.778.691.605

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ (Phân loại lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.732.354.010.804	4.239.852.223.395
I. Nợ ngắn hạn	310		3.442.354.010.804	1.380.352.223.395
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	35.127.089.178	38.729.574.662
2. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		1.378.434.131	717.420.631
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	15	152.729.821.635	5.336.528.393
4. Phải trả người lao động	315		2.256.471.800	12.474.675.078
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	14	19.308.014.959	17.879.140.141
6. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		26.428.886.539	3.912.768.409
7. Phải trả ngắn hạn khác	320		13.584.229.658	22.464.299.289
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	17	2.482.000.000.000	400.000.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	16	709.541.062.904	878.837.816.792
II. Nợ dài hạn	330		290.000.000.000	2.859.500.000.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	18	290.000.000.000	2.859.500.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	19	100.194.711.221.042	94.430.926.468.210
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		76.754.658.550.000	76.754.658.550.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		76.754.658.550.000	76.754.658.550.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		7.674.986.650.000	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.388.437.800.829	1.388.437.800.829
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		14.376.628.220.213	16.287.830.117.381
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước	420a		4.515.941.539.881	2.213.660.502.223
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		9.860.686.680.332	14.074.169.615.158
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		103.927.065.231.846	98.670.778.691.605


Nguyễn Diệu Linh
Người lập biểu


Phạm Thị Kim Oanh
Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Thắng
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	172.579.139.181	177.662.880.141
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	1.460.500
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		172.579.139.181	177.661.419.641
4. Giá vốn hàng bán	11	22	129.433.342.364	126.525.372.761
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		43.145.796.817	51.136.046.880
6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	24	9.975.683.944.853	5.499.712.962.181
7. Chi phí tài chính	23	25	45.931.157.532	62.018.961.390
- Trong đó: Chi phí đi vay	24		45.931.157.532	62.018.158.906
8. Chi phí bán hàng	25		-	10.709.626
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	112.394.505.190	108.802.204.269
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(22-23)-(25+26))	30		9.860.504.078.948	5.380.017.133.776
11. Thu nhập khác	31		237.050.000	30.082.136
12. Chi phí khác	32		54.448.616	51.027.882
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40		182.601.384	(20.945.746)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		9.860.686.680.332	5.379.996.188.030
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		9.860.686.680.332	5.379.996.188.030

Nguyễn Diệu Linh
Người lập biểu

Phạm Thị Kim Oanh
Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Thắng
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	9.860.686.680.332	5.379.996.188.030
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư	02	15.880.440.786	23.549.802.713
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	04	63.360	802.484
các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ			
Lãi từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	(9.956.213.660.423)	(5.499.334.194.910)
Chi phí đi vay	06	45.931.157.532	62.018.158.906
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(33.715.318.413)	(33.769.242.777)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(2.085.583.841.906)	(102.142.167.576)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(776.160.675)	(1.070.199.987)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	151.402.753.825	(28.068.556.847)
Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12	(26.384.322.417)	(33.529.539.348)
Chi phí đi vay đã trả	14	(48.696.383.560)	(44.072.180.824)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(428.099.978.888)	(270.209.062.848)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.471.853.252.034)	(512.860.950.207)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(707.018.939)	(850.625.713)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	237.050.000	375.840.000
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.035.000.000.000)	(588.767.090.411)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.189.767.090.411	357.546.575.342
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.616.000.000.000)	(9.430.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	49.071.920.166	249.997.980.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.272.303.455.154	5.504.609.561.375
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	6.859.672.496.792	(3.907.087.759.407)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp Theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	2.482.000.000.000	5.024.500.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.969.500.000.000)	(102.000.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.837.071.914.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.324.571.914.000)	4.922.500.000.000
 Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	 50	 63.247.330.758	 502.551.290.386
 Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	 60	 484.137.929.006	 319.257.876.941
 Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	 70	 <u>547.385.259.764</u>	 <u>821.809.167.327</u>

Nguyễn Diệu Linh
Người lập biểu

Phạm Thị Kim Oanh
Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Thắng
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên (nay là Sở Tài chính Tỉnh Hưng Yên) cấp ngày 26 tháng 10 năm 2001. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 8 ngày 09 tháng 01 năm 2007, Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất lần thứ 39 ngày 22 tháng 7 năm 2026 do Sở Tài chính Tỉnh Hưng Yên cấp.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là HPG từ ngày 15 tháng 11 năm 2007.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 152 người (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 131 người).

Ngành nghề kinh doanh và lĩnh vực kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Cho thuê văn phòng;
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp;
- Đầu tư tài chính;
- Đầu tư và xây dựng đồng bộ hạ tầng, kỹ thuật khu công nghiệp và khu đô thị;
- Sản xuất thùng, bể chứa và các dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Sản xuất các cấu kiện bằng kim loại;
- Thăm dò, khai thác khoáng sản;
- Dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị và phương tiện;
- Buôn bán ô tô, thiết bị phụ tùng, ngành công nghiệp vận tải, khai thác mỏ và phương tiện vận tải;
- Sản xuất và kinh doanh các loại máy xây dựng và máy khai thác mỏ;
- Sản xuất, kinh doanh, lắp ráp, lắp đặt, sửa chữa và bảo hành hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện dân dụng và điều hòa không khí;
- Sản xuất và kinh doanh nguyên vật liệu và các sản phẩm nhựa plastic;
- Các hoạt động quảng cáo;
- Xây dựng công nghiệp và dân dụng;
- Khai thác cát, đá và sỏi;
- Sản xuất, kinh doanh và lắp ráp các sản phẩm nội thất và thiết bị xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Tư vấn đầu tư trong và ngoài nước (không bao gồm tư vấn pháp luật);
- Sản xuất và mua bán kim loại màu các loại, phế liệu kim loại màu;
- Sản xuất và bán buôn than cốc;
- Sản xuất thép xây dựng, thép cuộn cán nóng;
- Buôn bán và xuất nhập khẩu thép, vật tư thiết bị luyện và cán thép;
- Sản xuất cán kéo thép và sản xuất tôn lợp;

- Khai thác quặng kim loại;
- Mua bán kim loại, quặng kim loại và sắt thép phế liệu;
- Luyện gang thép, đúc gang và sắt, thép;
- Sản xuất ống thép không mạ và có mạ, ống inox;
- Sản xuất và kinh doanh các loại tôn mạ kẽm, tôn mạ màu và tôn mạ lạnh;
- Sản xuất, buôn bán container
- Ủy thác xuất – nhập khẩu;
- Chăn nuôi lợn, bò, gia cầm và chăn nuôi khác;
- Hoạt động dịch vụ chăn nuôi;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Xây dựng công trình đường sắt;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Vận tải hàng hóa ven biển, đường thủy nội địa và viễn dương;
- Xuất, nhập khẩu, mua bán, phân phối hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định của Pháp luật;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Đầu tư, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm điện máy – gia dụng;
- Sản xuất và kinh doanh thương mại sản phẩm điện lạnh; và
- Sản xuất tủ đông, tủ mát.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty trong kỳ là kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng, quảng cáo, và đầu tư tài chính.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có các đơn vị trực thuộc và các công ty con trực tiếp như sau:

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Nơi thành lập và hoạt động	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát tại Hà Nội	Số 66, Đường Nguyễn Du, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0900189284-002 đăng ký ngày 05 tháng 9 năm 2002
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát tại Thành phố Hồ Chí Minh	Số 22, Đường Võ Văn Kiệt, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0900189284-005 đăng ký ngày 03 tháng 01 năm 2009

Các công ty con trực tiếp:

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Gang thép Hòa Phát (i)	Hà Nội	99,9990%	99,9990%	Đầu tư, sản xuất, kinh doanh thép xây dựng và các hoạt động phụ trợ.
2	Công ty Cổ phần Sản phẩm Thép Hòa Phát (ii)	Hà Nội	99,9960%	99,9960%	Đầu tư, sản xuất, kinh doanh ống thép, tôn mạ màu và các hoạt động phụ trợ.
3	Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát (iii)	Hưng Yên	84,5357%	84,5357%	Chăn nuôi gia súc, gia cầm; trồng trọt; các hoạt động dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi, sau thu hoạch; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.
4	Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Hòa Phát	Hà Nội	99,9811%	99,9811%	Đầu tư, xây dựng, kinh doanh bất động sản và các hoạt động phụ trợ.
5	Công ty Cổ phần Điện máy Gia dụng Hòa Phát	Hà Nội	99,9167%	99,9167%	Đầu tư, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm điện máy - gia dụng.

- (i) Ngày 09 tháng 4 năm 2026, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 05/NQHP-2026 về việc tăng vốn góp thêm 4.750.000.000.000 VND vào Công ty Cổ phần Gang thép Hòa Phát, tiến độ góp tăng vốn không muộn hơn ngày 31 tháng 12 năm 2026. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty đã góp 3.566.000.000.000 VND bằng tiền chuyển khoản. Theo đó, tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Gang thép Hòa Phát thay đổi từ 99,9989% lên 99,9990%.
- (ii) Ngày 22 tháng 6 năm 2026, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 09/NQHP-2026 về việc tăng vốn góp thêm 50.000.000.000 VND vào Công ty Cổ phần Sản phẩm Thép Hòa Phát. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty đã góp đủ số vốn trên bằng tiền chuyển khoản. Theo đó, tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Sản phẩm Thép Hòa Phát thay đổi từ 99,996023% lên 99,996045%.
- (iii) Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát (“HPA”) hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO) và trở thành công ty đại chúng niêm yết kể từ ngày 08 tháng 01 năm 2026. Tổng số cổ phiếu chào bán thành công là 30.000.000 cổ phiếu, tương ứng với mệnh giá 300.000.000.000 VND. Công ty không mua thêm cổ phiếu của HPA trong đợt chào bán này. Ngày 12 tháng 01 năm 2026, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 02/NQHP-2026 về việc chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát. Tổng số cổ phần chuyển nhượng là 1.321.162 cổ phần, tương đương mệnh giá 13.211.620.000 VND. Ngày 16 tháng 01 năm 2026, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng nêu trên. Theo đó, tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát thay đổi từ 94,9992% xuống 84,5357%.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Dữ liệu tương ứng trên Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán và một số chỉ tiêu được phân loại lại như trình bày tại Thuyết minh số 32.

Dữ liệu tương ứng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 đã được soát xét.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Công ty cũng đồng thời lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hợp nhất số liệu báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con trong một báo cáo khác. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần đọc báo cáo cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 để thu thập các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty trong kỳ.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"). Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư 99 thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200"), không bao gồm các nội dung liên quan đến kế toán cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước và các Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 200.

Công ty đã áp dụng các thay đổi trong hướng dẫn kế toán quy định tại Thông tư 99 cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 trên cơ sở phi hồi tố. Một số dữ liệu tương ứng đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của Thông tư 99 như được trình bày tại Thuyết minh số 32.

Việc áp dụng các thay đổi này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các thuyết minh hoặc các số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị và không bị hạn chế sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, lãi nhận sau hoặc lãi nhận định kỳ được ghi nhận vào đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và doanh thu hoạt động tài chính tương ứng với kỳ hưởng lãi. Phần lãi dự thu được ghi nhận tăng giá gốc của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và được giảm trừ khi Công ty thực tế thu khoản lãi này.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập khi nếu có bất kỳ dấu hiệu hoặc bằng chứng nào cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty có khả năng không thu hồi được.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc, bao gồm giá mua và chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia nêu trên, được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng tổn thất (nếu có).

Hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức chia lợi nhuận sau thuế mà Công ty là bên có quyền đồng kiểm soát

Hoạt động kinh doanh mà Công ty có quyền đồng kiểm soát thông qua thỏa thuận bằng hợp đồng dưới hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh phân chia lợi nhuận sau thuế, trong đó quy định các bên tham gia được hưởng lợi ích phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của của hợp đồng hợp tác kinh doanh, mà không thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập, được Công ty hạch toán theo quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Công ty xác định giá trị hàng xuất kho theo từng lần phát sinh để hạch toán hàng tồn kho.

Giá trị của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc bán các sản phẩm đó.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của doanh nghiệp.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định đến vị trí và trạng thái có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của doanh nghiệp.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	10
Máy móc và thiết bị	02 - 10
Thiết bị văn phòng	02 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi phát sinh.

Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của doanh nghiệp.

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính.

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài và quyền sử dụng đất có thời hạn, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất lâu dài.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm máy vi tính này không là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 1,5 năm đến 6 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là tòa nhà văn phòng tại số 39 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 20 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa đến vị trí và trạng thái có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của doanh nghiệp.

Các khoản chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ bao gồm chi phí quảng cáo; chi phí thuê văn phòng, chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản và các khoản chi phí chờ phân bổ khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê và chi phí đã được trả trước. Tiền thuê và chi phí chờ phân bổ này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian trả trước tiền thuê.

Chi phí quảng cáo, chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản và các khoản khác được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Phải trả người bán

Phải trả người bán là các khoản nợ phải trả phát sinh từ việc mua hàng hóa, dịch vụ hoặc tài sản từ người bán trong hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp. Các khoản phải trả người bán được thể hiện theo giá gốc.

Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Phải trả cổ tức, lợi nhuận phản ánh số cổ tức phải trả cho các cổ đông. Các khoản phải trả cổ tức được ghi nhận khi Công ty không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quy định của pháp luật.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ mà Công ty đã nhận được nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ hồ sơ, chứng từ, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán.

Doanh thu chờ phân bổ

Doanh thu chờ phân bổ là khoản doanh thu nhận trước liên quan đến một hay nhiều kỳ kế toán. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chờ phân bổ tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

Vốn chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá. Cổ phiếu phát hành để tăng vốn điều lệ, vốn góp của cổ đông được ghi nhận theo số tiền thực tế thu được tương ứng với mệnh giá cổ phiếu phát hành thành công.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác của chủ sở hữu phản ánh giá trị cổ phiếu đã phát hành để trả cổ tức hoặc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm cuối kỳ hoạt động.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty có thể được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Số cổ tức được công bố và chi trả từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và sự phê duyệt của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty để dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động căn cứ vào quyết định của Tổng Giám đốc Công ty (hoặc người được ủy quyền của Tổng Giám đốc) trong việc chi quỹ cụ thể theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty. Việc trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi tuân thủ theo các quy định về kế toán và tài chính hiện hành.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Việc trích và sử dụng quỹ đầu tư phát triển được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy định hiện hành.

Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thu nhập khác là các khoản thu nhập từ các hoạt động không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu từ các hoạt động chính.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ báo cáo nhưng đến kỳ sau mới phát sinh giảm trừ doanh thu, Công ty ghi giảm doanh thu ghi nhận trong kỳ báo cáo nếu các khoản giảm trừ doanh thu này phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ và được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong kỳ.

Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là các khoản chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp được ghi nhận vào chi phí trong kỳ theo cơ sở dồn tích.

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các khoản chi phí phát sinh liên quan hoạt động quản lý chung của doanh nghiệp, không trực tiếp gắn với hoạt động bán hàng hoặc sản xuất và được ghi nhận vào chi phí trong kỳ theo cơ sở dồn tích.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này, ngoại trừ số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tiền gửi. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Vay

Vay được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ đi vay trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản đó vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tiền mặt	608.201.059	820.836.566
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	98.105.291.585	37.944.020.522
- Ngân hàng số 01	74.883.601.590	13.060.499.707
- Các ngân hàng khác	23.221.689.995	24.883.520.815
Các khoản tương đương tiền (i)	448.671.767.120	445.373.071.918
	547.385.259.764	484.137.929.006

- (i) Phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 03 (ba) tháng tại các ngân hàng thương mại, với lãi suất từ 3,4%/năm đến 4,75%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 4,75%/năm).

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	-	-
Cho vay (i)	124.514.190.411	124.514.190.411	267.361.105.765	267.361.105.765
	124.514.190.411	124.514.190.411	267.361.105.765	267.361.105.765

(ii) Phán ánh khoản cho vay bằng VND, không có tài sản đảm bảo, được cấp cho Công ty Cổ phần Điện máy gia dụng Hòa Phát Hà Nam (công ty con gián tiếp của Công ty) để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất 4,75%/năm, thời hạn cho vay từ 5 - 6 tháng.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Gía gốc	Gía trị có thể thu hồi	Dự phòng	Gía gốc	Gía trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND			VND		
Cho vay (ii)						
- Công ty Cổ phần Điện máy giá dụng Hòa Phát Hà Nam	80.400.000.000	80.400.000.000	-	99.400.000.000	99.400.000.000	-
- Công ty TNHH Một thành viên Gia cầm Hòa Phát Phú Thọ	80.400.000.000	80.400.000.000	-	80.400.000.000	80.400.000.000	-
	80.400.000.000	80.400.000.000	-	99.400.000.000	99.400.000.000	-

(ii) Phản ánh các khoản cho vay bằng VND, không có tài sản đảm bảo, được cấp cho các công ty con gián tiếp của Công ty để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất 5.5%/năm, thời hạn cho vay từ 03 – 05 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

c. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi/ Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi/ Giá trị hợp lý	Dự phòng
			VND			VND
Công ty Cổ phần Gang thép Hòa Phát	77.565.220.000.000	(iii)	-	73.999.220.000.000	(iii)	-
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Hòa Phát	10.598.000.000.000	(iii)	-	10.598.000.000.000	(iii)	-
Công ty Cổ phần Sản phẩm Thép Hòa Phát	8.849.650.000.000	(iii)	-	8.799.650.000.000	(iii)	-
Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát (iv)	2.409.267.820.000	8.143.325.231.600	-	2.422.479.440.000	(iii)	-
Công ty Cổ phần Điện máy Gia dụng Hòa Phát	1.199.000.000.000	(iii)	-	1.199.000.000.000	(iii)	-
	100.621.137.820.000		-	97.018.349.440.000		-

- (iii) Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc kỳ hoạt động do các quy định kế toán hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính vào các công ty chưa niêm yết.
- (iv) Giá trị hợp lý đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát được xác định căn cứ vào giá đóng cửa của cổ phiếu trên sàn chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Công ty nắm giữ tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Trong kỳ, các công ty con của Công ty đều hoạt động kinh doanh có lãi.

Các số dư tại thời điểm cuối kỳ và giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các công ty con trong kỳ được trình bày tại Thuyết minh số 28.



7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND		VND	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng là bên thứ ba	84.882.722	-	67.866.885	-
Các đối tượng khác	84.882.722	-	67.866.885	-
b. Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan	316.478.570.290	-	225.002.902.283	-
(Chi tiết tại Thuyết minh số 28)	316.478.570.290	-	225.002.902.283	-
	316.563.453.012	-	225.070.769.168	-

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND		VND	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a. Ngắn hạn				
Các khoản chi hộ	15.714.683.758	-	22.129.240.717	-
Phải thu cổ tức được chia	-	-	345.000.000.000	-
Phải thu khác	617.223.554	-	646.989.559	-
	16.331.907.312	-	367.776.230.276	-

Trong đó: Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh số 28)

697.075.918 352.213.146.729

b. Dài hạn

Phải thu về thỏa thuận hợp tác liên danh (i)	1.600.000.000.000	-	-	-
Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn	361.195.000.000	-	4.195.000.000	-
Phải thu từ hợp đồng BCC mà Công ty đồng kiểm soát (ii)	35.023.461.019	-	-	-
	1.996.218.461.019	-	4.195.000.000	-

Trong đó: Phải thu dài hạn khác từ các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh số 28)

35.023.461.019

- - -

- (i) Phản ánh khoản tiền đã chuyển cho đối tác liên quan đến thỏa thuận liên danh số 02/2026/TTLD ngày 08 tháng 5 năm 2026 về việc Hợp tác thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng Đại lộ cảnh quan sông Hồng theo phương thức đối tác công tư, loại Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao.
- (ii) Phản ánh khoản phải thu liên quan đến Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 24 tháng 3 năm 2026 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Điện máy Gia dụng Hòa Phát Hà Nam (Công ty con của Công ty) về việc hợp tác đầu tư Dự án sản xuất bo mạch điện tử trên cơ sở hợp đồng hợp tác đồng kiểm soát không hình thành pháp nhân dưới hình thức chia lợi nhuận sau thuế. Thời hạn hợp tác kinh doanh là 30 năm.

9. CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí quảng cáo	24.007.265.264	11.316.545.400
Chi phí thuê văn phòng	25.927.587.236	16.769.563.970
Công cụ, dụng cụ	323.721.843	587.256.977
Chi phí khác	152.928.073	1.634.360.583
	50.411.502.416	30.307.726.930
b. Dài hạn		
Chi phí sửa chữa tài sản	18.979.579.345	21.072.943.340
Công cụ, dụng cụ	427.625.391	500.864.341
Chi phí khác	26.095.667.566	17.648.517.690
	45.502.872.302	39.222.325.371

1001
CỔ
T
KIỂM
ĐẠI
VIỆ
VH P

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu kỳ	5.687.295.643	7.422.420.999	79.181.378.429	95.014.811.781	187.305.906.852
Tăng trong kỳ	-	473.361.360	-	233.657.579	707.018.939
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(966.254.545)	(491.311.818)	(1.457.566.363)
Số dư cuối kỳ	5.687.295.643	7.895.782.359	78.215.123.884	94.757.157.542	186.555.359.428
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu kỳ	4.494.940.973	6.017.534.949	56.684.930.211	87.276.268.388	154.473.674.521
Khấu hao trong kỳ	284.365.224	390.999.317	4.701.792.904	3.460.163.483	8.837.320.928
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(912.594.568)	(491.311.818)	(1.403.906.386)
Số dư cuối kỳ	4.779.306.197	6.408.534.266	60.474.128.547	90.245.120.053	161.907.089.063
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu kỳ	1.192.354.670	1.404.886.050	22.496.448.218	7.738.543.393	32.832.232.331
Tại ngày cuối kỳ	907.989.446	1.487.248.093	17.740.995.337	4.512.037.489	24.648.270.365

Nguyên giá của các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 với giá trị là 97.504.480.873 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 77.278.973.668 VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, chi tiết các tài sản cố định hữu hình đang hiện hữu có giá trị từ 10% tổng giá trị tài sản cố định hữu hình trở lên như sau:

Tên tài sản cố định	Nguyên giá (VND)
Tài sản cố định hữu hình mã số A4.18.53	25.502.300.000
Tài sản cố định hữu hình mã số A5.1.27	19.544.000.000
	45.046.300.000

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	2.755.408.500	26.907.424.940	29.662.833.440
Số dư cuối kỳ	2.755.408.500	26.907.424.940	29.662.833.440
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	-	23.560.832.834	23.560.832.834
Khấu hao trong kỳ	-	928.218.454	928.218.454
Số dư cuối kỳ	-	24.489.051.288	24.489.051.288
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu kỳ	2.755.408.500	3.346.592.106	6.102.000.606
Tại ngày cuối kỳ	2.755.408.500	2.418.373.652	5.173.782.152

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 20.187.424.940 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: 19.765.339.940 VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, chi tiết các tài sản cố định vô hình đang hiện hữu có giá trị từ 10% tổng giá trị tài sản cố định vô hình trở lên như sau:

Tên tài sản cố định	Nguyên giá (VND)
Tài sản cố định vô hình mã số A7.1.12	10.881.277.200
Tài sản cố định vô hình mã số A7.1.18	6.420.000.000
	17.301.277.200

12. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu kỳ	259.227.056.200	259.227.056.200
Số dư cuối kỳ	259.227.056.200	259.227.056.200
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu kỳ	179.745.362.610	179.745.362.610
Khấu hao trong kỳ	6.480.676.404	6.480.676.404
Số dư cuối kỳ	186.226.039.014	186.226.039.014
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu kỳ	79.481.693.590	79.481.693.590
Tại ngày cuối kỳ	73.001.017.186	73.001.017.186

Bất động sản đầu tư của Công ty là Tòa nhà văn phòng tại địa chỉ 39 Nguyễn Đình Chiểu, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 cần được trình bày. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Phải trả người bán ngắn hạn không phải là các bên liên quan	35.049.625.260	38.687.410.568
Công ty Cổ phần Hàng không Hải Âu	12.740.790.000	-
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	7.626.644.000	-
Công ty TNHH OneCAD Việt Nam	-	5.012.700.000
Công ty Cổ phần Thương mại In Nhật Nam	-	4.362.605.360
Các đối tượng khác	13.722.904.525	29.312.105.208
b. Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 28)	1.036.750.653	42.164.094
	35.127.089.178	38.729.574.662

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ (Phân loại lại) VND
Lãi vay phải trả	12.922.378.004	15.687.604.032
Chi phí phải trả khác	6.385.636.955	2.191.536.109
	19.308.014.959	17.879.140.141
Trong đó: Chi phí phải trả ngắn hạn các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 28)	12.922.378.004	15.687.604.032

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ VND	Số phải thu/ nộp trong kỳ VND	Số đã thực thu/ nộp trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	425.650.100	-	-	425.650.100
Thuế thu nhập doanh nghiệp	721.459.702	-	-	721.459.702
	1.147.109.802	-	-	1.147.109.802
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	4.993.691.087	5.172.818.261	6.278.061.836	3.888.447.512
Thuế thu nhập cá nhân	342.837.306	169.227.302.682	20.728.765.865	148.841.374.123
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	256.319.147	256.319.147	-
Thuế khác	-	1.999.313	1.999.313	-
	5.336.528.393	174.658.439.403	27.265.146.161	152.729.821.635

16. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	878.837.816.792	938.461.772.585
Trích quỹ trong kỳ (i)	259.169.000.000	423.429.725.000
Chi quỹ trong kỳ	(428.465.753.888)	(270.455.985.076)
Số dư cuối kỳ	709.541.062.904	1.091.435.512.509

- (i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ.2026 ngày 21 tháng 4 năm 2026, Công ty đã thực hiện trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ Lợi nhuận sau thuế năm 2025.

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu kỳ		Trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND		VND	VND
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
Vay ngắn hạn từ các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 28)	400.000.000.000	3.162.000.000.000	1.080.000.000.000	2.482.000.000.000
(i)	400.000.000.000	3.162.000.000.000	1.080.000.000.000	2.482.000.000.000

- (i) Phản ánh các khoản vay bằng VND từ bên liên quan để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, không có tài sản đảm bảo, thời hạn vay 03 (ba) tháng, lãi suất 4,75%/năm.

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu kỳ		Trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND		VND	VND
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
Vay dài hạn từ các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 28)	2.859.500.000.000	-	2.569.500.000.000	290.000.000.000
(i)	2.859.500.000.000	-	2.569.500.000.000	290.000.000.000

- (i) Phản ánh các khoản vay bằng VND từ các bên liên quan để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, không có tài sản đảm bảo, thời hạn vay 02 (hai) năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: từ 15 tháng đến 02 năm), lãi suất từ 5,5%/năm đến 6,0%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	63.962.502.000.000	-	788.437.800.829	16.029.246.777.223	80.780.186.578.052
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	5.379.996.188.030	5.379.996.188.030
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(203.429.725.000)	(203.429.725.000)
Trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(220.000.000.000)	(220.000.000.000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	600.000.000.000	(600.000.000.000)	-
Số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	63.962.502.000.000	-	1.388.437.800.829	20.385.813.240.253	85.736.753.041.082
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2026	76.754.658.550.000	-	1.388.437.800.829	16.287.830.117.381	94.430.926.468.210
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	9.860.686.680.332	9.860.686.680.332
Trả cổ tức bằng tiền (i)	-	-	-	(3.837.732.927.500)	(3.837.732.927.500)
Trả cổ tức bằng cổ phiếu (ii)	-	7.674.986.650.000	-	(7.674.986.650.000)	-
Trích các quỹ và thù lao (i)	-	-	-	(259.169.000.000)	(259.169.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2026	76.754.658.550.000	7.674.986.650.000	1.388.437.800.829	14.376.628.220.213	100.194.711.221.042

(i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ.2026 ngày 21 tháng 4 năm 2026, Công ty đã thực hiện trả cổ tức bằng tiền, trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi; Quỹ khen thưởng Ban điều hành, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát từ lợi nhuận sau thuế năm 2025.

(ii) Cổ tức

Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ.2026 ngày 21 tháng 4 năm 2026 của Đại hội đồng Cổ đông và Nghị quyết số 07/NQHP-2026 ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng Quản trị, Công ty đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2025 bằng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo tỷ lệ 10% (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu thường được nhận 1 cổ phiếu phát hành thêm). Công ty đã hoàn thành đợt phát hành vào ngày 26 tháng 5 năm 2026 và nhận được công văn số 5155/UBCK-QLCB ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu này. Ngày 30 tháng 6 năm 2026, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định số 560/QĐ-SGDHCM chấp thuận cho Công ty được thay đổi niêm yết liên quan đến việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức này. Theo đó, số lượng chứng khoán niêm yết tăng thêm 767.498.665 cổ phiếu (từ 7.675.465.855 cổ phiếu lên 8.442.964.520 cổ phiếu), ngày thay đổi niêm yết có hiệu lực là ngày 02 tháng 7 năm 2026. Ngày 22 tháng 7 năm 2026, Công ty được Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 39, trong đó vốn điều lệ được ghi nhận là 84.429.645.200.000 VND.

Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ.2026 ngày 21 tháng 4 năm 2026, Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua tỷ lệ trả cổ tức dự kiến năm 2026 là 15%.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Vốn điều lệ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 38 ngày 11 tháng 8 năm 2025, vốn điều lệ của Công ty là 76.754.658.550.000 VND tương ứng với 7.675.465.855 cổ phiếu, đã được các cổ đông góp đủ. Chi tiết như sau:

	Vốn đã góp				Số đầu kỳ	
	Số cuối kỳ		%		VND	%
Ông Trần Đình Long	19.800.000.000.000	25,80	19.800.000.000.000	25,80	19.800.000.000.000	25,80
Bà Vũ Thị Hiền	5.280.000.000.000	6,88	5.280.000.000.000	6,88	5.280.000.000.000	6,88
Các cổ đông khác	51.674.658.550.000	67,32	51.674.658.550.000	67,32	51.674.658.550.000	67,32
	76.754.658.550.000	100	76.754.658.550.000	100	76.754.658.550.000	100

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.442.964.520	7.675.465.855
Cổ phiếu phổ thông	8.442.964.520	7.675.465.855
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.442.964.520	7.675.465.855
Cổ phiếu phổ thông	8.442.964.520	7.675.465.855

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngoại tệ

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Đô la Mỹ (USD)	347,45	367,25

Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Trong vòng một năm	237.610.000.074	237.217.765.374
Từ hai năm đến năm năm	575.754.485.264	634.418.585.264
Trên năm năm	83.879.435.968	104.680.159.126
	897.243.921.306	976.316.509.764

Thông tin chi tiết các khoản cam kết thuê hoạt động chủ yếu như sau:

- Hợp đồng thuê chuyến bay ngày 01 tháng 01 năm 2026 với Công ty Cổ phần Hàng không Hải Âu với thời hạn cung cấp dịch vụ thuê chuyến bay đến ngày 01 tháng 01 năm 2031.
- Hợp đồng số 66ND/2017/HĐ-HC ngày 14 tháng 10 năm 2017 và các phụ lục kèm theo, thuê tòa nhà tại 66 Nguyễn Du, Phường Cửa Nam (trước đây là Quận Hai Bà Trưng), Thành phố Hà Nội, với thời hạn thuê từ ngày 14 tháng 10 năm 2017 đến ngày 13 tháng 12 năm 2032.
- Hợp đồng số 18/2024/TPM-TĐHP ngày 22 tháng 7 năm 2024 thuê Tòa nhà văn phòng tại số 22 Võ Văn Kiệt, Phường Bến Thành (trước đây là Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1), Thành phố Hồ Chí Minh với thời hạn thuê từ ngày 22 tháng 7 năm 2024 đến ngày 22 tháng 7 năm 2034.
- Hợp đồng thuê đất ngày 16 tháng 6 năm 2012, thuê 633m² đất tại 39 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Hai Bà Trưng (trước đây là Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng), Thành phố Hà Nội, với thời hạn thuê từ ngày 07 tháng 5 năm 2012 đến ngày 15 tháng 10 năm 2043.
- Hợp đồng số 3110/2024/HĐTN-TĐHP ngày 31 tháng 10 năm 2024, thuê 370m² tòa nhà số 68 Nguyễn Du, Phường Cửa Nam (trước đây là Quận Hai Bà Trưng), Thành phố Hà Nội, với thời hạn thuê từ ngày 01 tháng 12 năm 2024 đến ngày 30 tháng 11 năm 2029.

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	149.485.739.181	154.569.480.141
Doanh thu từ bất động sản đầu tư cho thuê	23.093.400.000	23.093.400.000
	172.579.139.181	177.662.880.141
Trong đó: Doanh thu cung cấp dịch vụ với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 28)	172.068.825.965	177.158.328.187

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	120.865.685.199	118.581.207.167
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	8.567.657.165	7.944.165.594
	129.433.342.364	126.525.372.761

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	33.245.885.419	26.536.959.536
Chi phí khấu hao	15.880.440.786	23.549.802.713
Chi phí dịch vụ mua ngoài	171.686.135.410	109.583.808.065
Chi phí khác bằng tiền	21.015.385.939	75.667.716.342
	241.827.847.554	235.338.286.656

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận được chia từ các công ty con	9.894.708.446.834	5.472.496.332.151
Lãi chuyển nhượng các khoản đầu tư	35.860.300.166	-
Lãi tiền gửi và cho vay	45.114.158.203	27.215.287.417
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.039.650	1.342.613
	9.975.683.944.853	5.499.712.962.181
Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 28)	9.915.646.726.286	5.481.908.307.494

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí đi vay	45.931.157.532	62.018.158.906
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	802.484
	45.931.157.532	62.018.961.390
Trong đó: Chi phí tài chính từ các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 28)	45.931.157.532	62.018.158.906

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	11.275.134.027	11.508.880.447
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.949.147.750	6.047.953.579
Phân bổ chi phí sửa chữa văn phòng, công cụ và dụng cụ và các chi phí trả trước dài hạn khác	2.860.171.847	787.115.689
Chi phí dịch vụ mua ngoài	72.296.124.175	19.577.789.266
Chi phí quản lý khác	21.013.927.391	70.880.465.288
	112.394.505.190	108.802.204.269

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ này	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận trước thuế	9.860.686.680.332	5.379.996.188.030
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(9.894.731.907.853)	(5.472.496.332.151)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	6.860.404.661	14.216.732.742
Thu nhập chịu thuế kỳ này	-	-
Thu nhập chịu thuế suất 20%	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ này	-	-

Năm phát sinh	Năm hết hạn	Lỗ tính thuế VND	Số lỗ đã chuyển đến	Số lỗ tính thuế chưa
			ngày 30/06/2026 VND	sử dụng tại ngày 30/06/2026 VND
2022 (*)	2027	126.219.042.668	50.486.409.763	75.732.632.905
2023 (*)	2028	207.297.804	-	207.297.804
2025 (*)	2030	129.772.635.605	-	129.772.635.605
2026 (*)	2031	27.184.822.860	-	27.184.822.860
		283.383.798.937	50.486.409.763	232.897.389.174

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan

Mỗi quan hệ

[illegible]

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Hòa Phát Yên Mỹ
 Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Phúc
 Công ty Cổ phần Sản phẩm Thép Hòa Phát Long An
 Công ty Cổ phần Vận tải biển Hòa Phát
 Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Đồng Nai
 Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phước
 Công ty TNHH Chế tạo Cơ khí Hoà Phát
 Công ty TNHH Harmonia
 Công ty TNHH MTV Ống Thép Hòa Phát Bình Dương
 Công ty TNHH MTV Ống Thép Hòa Phát Long An
 Công ty TNHH MTV Thép dự ứng lực Hòa Phát
 Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Phát Hưng Yên
 Công ty TNHH Thép dây Hòa Phát
 Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Hòa Phát Đồng Nai
 Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ thép Hòa Phát Long An
 Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Mỹ Hào
 Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Lý Thường Kiệt
 Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Thanh Miện
 Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Hoàng Diệu
 Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp số 6

Mối quan hệ

Công ty con gián tiếp
 Công ty con gián tiếp
 Công ty con gián tiếp
 Công ty con gián tiếp
 Công ty con gián tiếp
 Công ty con gián tiếp
 Công ty con gián tiếp
 Công ty con gián tiếp
 Công ty con gián tiếp
 Công ty con gián tiếp
 Công ty con gián tiếp
 Công ty con gián tiếp
 Công ty con gián tiếp
 Công ty con gián tiếp
 Công ty con gián tiếp
 Công ty con gián tiếp
 Công ty con gián tiếp
 Công ty con gián tiếp
 Công ty con gián tiếp

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với bên liên quan:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cung cấp dịch vụ	172.068.825.965	177.158.328.187
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	48.708.786.879	49.276.387.756
Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên	20.689.419.536	17.889.365.296
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Hải Dương	17.770.023.403	34.913.168.607
Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	16.393.002.945	17.135.965.066
Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	13.182.831.027	10.213.059.623
Công ty TNHH Tôn Hòa Phát	12.201.886.080	12.283.093.843
Các bên liên quan khác	43.122.876.095	35.447.287.996
Mua hàng	7.664.308.326	22.821.254.081
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thành phố mới	4.636.363.638	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Hạ tầng Thăng Long	2.887.013.208	22.060.094.074
Công ty TNHH Harmonia	53.596.296	53.637.343
Công ty TNHH Một thành viên Gia cầm Hòa Phát Phú Thọ	48.225.000	48.693.200
Công ty Cổ phần Điện máy Gia dụng Hà Nam	32.210.184	579.854.918
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Hòa Phát Sài Gòn	6.900.000	-
Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	-	78.974.546

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Cho vay	1.825.000.000.000	1.374.000.000.000
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	1.120.000.000.000	980.000.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải biển Hòa Phát	205.000.000.000	310.000.000.000
Công ty Cổ phần Điện máy Gia dụng Hà Nam	165.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Hòa Phát	130.000.000.000	-
Công ty TNHH Ống thép Hoà Phát	120.000.000.000	-
Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Phát Hưng Yên	85.000.000.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Gia cầm Hòa Phát Phú Thọ	-	50.000.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Container Hoà Phát	-	34.000.000.000
Thu hồi tiền cho vay	1.721.000.000.000	1.090.500.000.000
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	1.120.000.000.000	980.000.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải biển Hòa Phát	205.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Hòa Phát	130.000.000.000	-
Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	120.000.000.000	-
Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Phát Hưng Yên	85.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Điện máy Gia dụng Hà Nam	42.000.000.000	75.000.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Gia cầm Hòa Phát Phú Thọ	19.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Container Hoà Phát	-	34.000.000.000
Công ty Cổ Phần Ván sàn Hòa Phát	-	1.500.000.000
Đi vay	3.162.000.000.000	5.224.500.000.000
Công ty Cổ phần Gang thép Hòa Phát	1.200.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	650.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Hải Dương	462.000.000.000	-
Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên	360.000.000.000	200.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Hòa Phát	250.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Hòa Phát Nha Trang	240.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Khu Đô thị xanh	-	4.100.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Phúc	-	318.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Hoàng Diệu	-	257.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Hòa Phát Yên Mỹ	-	116.500.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Mỹ Hào	-	143.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Hòa Phát Hà Nội	-	90.000.000.000

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Trả tiền vay	3.649.500.000.000	302.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Khu Đô thị xanh	1.160.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Hoàng Diệu	454.000.000.000	-
Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên	360.000.000.000	200.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Phúc	341.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Lý Thường Kiệt	330.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Hòa Phát Yên Mỹ	284.500.000.000	102.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Hòa Phát Nha Trang	240.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Thanh Miện	160.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát	128.000.000.000	-
Công ty TNHH Tôn Hòa Phát	100.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Hải Dương	80.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Hòa Phát	12.000.000.000	-
Lãi cho vay	20.938.279.452	9.411.975.343
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	13.627.945.204	4.292.975.343
Công ty Cổ phần Điện máy Gia dụng Hà Nam	5.434.279.453	4.137.347.945
Công ty Cổ phần Vận tải biển Hòa Phát	1.091.849.316	141.073.973
Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Phát Hưng Yên	611.643.835	-
Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	70.534.247	-
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Hòa Phát	61.945.205	-
Công ty TNHH Một thành viên Gia cầm Hòa Phát Phú Thọ	40.082.192	713.821.918
Công ty Cổ phần Sản xuất Container Hoà Phát	-	86.071.233
Công ty Cổ phần Ván sàn Hòa Phát	-	40.684.931
Lợi nhuận được chia từ công ty con	9.894.708.446.834	5.472.496.332.151
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Hòa Phát	4.297.643.849.834	-
Công ty Cổ phần Gang thép Hòa Phát	3.601.658.163.792	3.458.543.658.056
Công ty Cổ phần Sản phẩm thép Hòa Phát	1.401.945.205.375	1.091.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát	505.946.242.200	897.952.674.095
Công ty Cổ phần Điện máy Gia dụng Hòa Phát	87.514.985.633	25.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí đi vay	45.931.157.532	62.018.158.906
Công ty Cổ phần phát triển đô thị Hòa Phát Yên Mỹ	8.172.568.493	1.312.010.959
Công ty cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát	7.976.082.191	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Hoàng Diệu	6.952.109.589	-
Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng khu công nghiệp Đồng Phúc	5.273.260.274	3.805.545.206
Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Lý Thường Kiệt	5.068.767.123	-
Công ty Cổ phần Gang thép Hòa Phát	4.528.767.123	-
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	2.205.821.918	-
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Hải Dương	1.811.506.849	-
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Hòa Phát	1.600.424.657	-
Công ty Cổ phần Phát triển Khu Đô thị xanh	1.169.315.068	48.892.602.739
Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên	749.589.041	2.144.109.589
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Hòa Phát Nha Trang	287.602.740	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Thanh Miện	83.287.671	-
Công ty TNHH Tôn Hòa Phát	52.054.795	-
Công ty TNHH Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Phát Hưng Yên	-	3.075.550.685
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Mỹ Hào	-	1.711.298.631
Công ty Cổ phần phát triển Bất động sản Hòa Phát Hà Nội	-	1.077.041.097
Đầu tư vào công ty con	3.616.000.000.000	9.430.000.000.000
Công ty Cổ phần Gang thép Hòa Phát	3.566.000.000.000	5.110.000.000.000
Công ty Cổ phần Sản phẩm Thép Hòa Phát	50.000.000.000	420.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Hòa Phát	-	3.800.000.000.000
Công ty Cổ phần Điện máy Gia dụng Hòa Phát	-	100.000.000.000
Thoái vốn	13.211.620.000	249.997.980.000
Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát	13.211.620.000	249.997.980.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng	316.478.570.290	225.002.902.283
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	141.857.610.616	106.497.800.540
Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	33.365.167.198	6.793.278.205
Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	32.182.402.647	24.858.015.662
Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên	23.722.127.285	15.290.866.002
Công ty cổ phần Thép Hòa Phát Hải Dương	23.509.908.131	25.609.917.516
Công ty TNHH Tôn Hòa Phát	22.023.831.731	17.488.176.442
Các bên liên quan khác	39.817.522.682	28.464.847.916
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124.514.190.411	-
Công ty Cổ phần Điện máy Gia dụng Hòa Phát Hà Nam	124.514.190.411	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	80.400.000.000	99.400.000.000
Công ty Cổ phần Điện máy Gia dụng Hòa Phát Hà Nam	80.400.000.000	80.400.000.000
Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Phú Thọ	-	19.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	697.075.918	352.213.146.729
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	115.917.355	2.390.550.340
Công ty Cổ phần Điện máy gia dụng Hòa Phát Hà Nam	44.677.311	200.415.668
Công ty Cổ phần Gang thép Hòa Phát	-	345.000.000.000
Các bên liên quan khác	536.481.252	4.622.180.721
Phải thu dài hạn khác	35.023.461.019	-
Công ty Cổ phần Điện máy gia dụng Hòa Phát Hà Nam	35.023.461.019	-
Phải trả người bán ngắn hạn	1.036.750.653	42.164.094
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Hạ tầng Thăng Long	835.340.714	-
Công ty Cổ phần Điện máy gia dụng Hòa Phát	157.815.940	12.918.494
Các bên liên quan khác	43.593.999	29.245.600
Chi phí phải trả ngắn hạn	12.922.378.004	15.687.604.032
Công ty Cổ phần Gang Thép Hòa Phát	4.528.767.123	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát	2.534.520.548	2.025.904.109
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	2.205.821.918	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Hòa Phát Yên Mỹ	1.140.726.027	1.266.089.041
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Hải Dương	1.491.369.863	-
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Hòa Phát	976.027.397	514.301.370
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thành Phố Mới	45.145.128	45.145.128
Công ty Cổ phần Phát triển Khu Đô thị xanh	-	6.387.534.247
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Hoàng Diệu	-	1.799.356.164
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Phúc	-	1.576.191.781
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Lý Thường Kiệt	-	1.077.534.247
Công ty TNHH Tôn Hòa Phát	-	403.424.658
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp số 6	-	300.616.438
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Thanh Miện	-	291.506.849
Vay ngắn hạn	2.482.000.000.000	400.000.000.000
Công ty Cổ phần Gang Thép Hòa Phát	1.200.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	650.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Hải Dương	382.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Hòa Phát	250.000.000.000	12.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát	-	128.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng KCN Thanh Miện	-	160.000.000.000
Công ty TNHH Tôn Hòa Phát	-	100.000.000.000

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Vay dài hạn	290.000.000.000	2.859.500.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát	290.000.000.000	290.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Đồng Phúc	-	341.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Hoàng Diệu	-	454.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Hòa Phát Yên Mỹ	-	284.500.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Khu Đô thị xanh	-	1.160.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Lý Thường Kiệt	-	330.000.000.000

Thù lao, lương và thưởng của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các cán bộ quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thù lao Thành viên Hội đồng Quản trị	207.746.000.000	83.160.000.000
Lương và thưởng của Ban Tổng Giám đốc	30.897.683.455	28.214.888.000
Thù lao, lương và thưởng của Ban Kiểm soát	2.641.200.828	2.152.788.419
Lương và thưởng của cán bộ quản lý chủ chốt khác	1.484.535.190	1.242.697.041
	242.769.419.473	114.770.373.460

29. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tiền lãi vay đã trả trong kỳ không bao gồm 12.922.378.004 VND (kỳ trước: 17.945.978.082 VND), là số tiền chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

30. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Góp vốn thành lập công ty liên kết

Ngày 20 tháng 6 năm 2026, Hội đồng quản trị Tập đoàn ban hành Nghị quyết số 08/NQHP-2026 thông qua việc góp vốn thành lập Công ty điện gió để thực hiện các hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh lĩnh vực điện. Công ty dự kiến thành lập là Công ty Cổ phần Điện gió Ngoài khơi Sông Hậu với vốn điều lệ dự kiến là 2.000.000.000.000 VND, trong đó, tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát là 30%, tương đương 600.000.000.000 VND.

31. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ HOẠT ĐỘNG

Hoàn tất thủ tục phát hành cổ phiếu để trả cổ tức

Theo Quyết định số 560/QĐ-SGDHCM ngày 30 tháng 6 năm 2026, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát thay đổi đăng ký niêm yết đối với 767.498.665 cổ phiếu phát hành để trả cổ tức, ngày thay đổi niêm yết có hiệu lực là ngày 02 tháng 7 năm 2026.

Theo Thông báo số 1475/TB-SGDHCM ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc giao dịch chứng khoán thay đổi đăng ký niêm yết, cổ phiếu phát hành để trả cổ tức của Công ty được chính thức giao dịch kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2026.

Ngày 22 tháng 7 năm 2026, Công ty được Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 39, trong đó vốn điều lệ được ghi nhận là 84.429.645.200.000 VND.

Tham gia mua cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn Tương lai Sông Hồng

Ngày 22 tháng 7 năm 2026, Hội đồng quản trị Công ty ban hành Nghị quyết số 10/NQHP-2026 thông qua việc Tập đoàn tham gia mua cổ phần chào bán để tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Tương lai Sông Hồng. Số cổ phần đăng ký mua là 799.500.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần. Hình thức mua là góp vốn bằng tài sản, cụ thể, tài sản góp vốn là cổ phần của Tập đoàn tại Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Hòa Phát.

32. DỮ LIỆU TƯƠNG ƯNG

Như trình bày tại thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, Công ty đã áp dụng Thông tư 99/2025/TT-BTC, trên cơ sở phi hồi tố. Theo đó, một số dữ liệu tương ứng đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của Thông tư 99, cụ thể như sau:

Chi tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau phân loại lại
		VND	VND	VND
Các khoản tương đương tiền	112	442.700.000.000	2.673.071.918	445.373.071.918
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	258.767.090.411	8.594.015.354	267.361.105.765
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	225.759.760.949	(688.991.781)	225.070.769.168
Phải thu ngắn hạn khác	135	378.354.325.767	(10.578.095.491)	367.776.230.276
Phải thu về cho vay dài hạn		99.400.000.000	(99.400.000.000)	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	-	99.400.000.000	99.400.000.000
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	-	717.420.631	717.420.631
Chi phí phải trả ngắn hạn	316	2.528.188.086	15.350.952.055	17.879.140.141
Phải trả ngắn hạn khác	320	38.532.671.975	(16.068.372.686)	22.464.299.289


Nguyễn Diệu Linh
Người lập biểu


Phạm Thị Kim Oanh
Kế toán trưởng


Nguyễn Việt Thắng
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026



Văn phòng Hà Nội

Tầng 12, Tòa nhà Diamond Park Plaza,
Số 16 Láng Hạ, Phường Giảng Võ,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: +84 24 7107 0000

Văn phòng Tp. Hồ Chí Minh

Tầng 18, Tòa nhà Times Square,
Số 57-69F Đồng Khởi, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +84 28 7101 4555

Website: www.deloitte.com/vn
Email: deloittevietnam@deloitte.com

© Deloitte Vietnam

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
HÒA PHÁT
HOA PHAT GROUP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: 80/2026/CV-TĐHP
No.: 80/2026/CV-TĐHP

Hung Yên, ngày 28 tháng 8 năm 2026
Hung Yen, day 28 month 8 year 2026

Về việc giải trình KQKD báo cáo công ty mẹ
6 tháng đầu năm 2026
Re: Explanation of the Company's Seperated business results
for the six-month period ended 30 June 2026

Kính gửi:

Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

To:

Hochiminh Stock Exchange

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024, Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 4 năm 2025 và Thông tư số 08/2026/TT-BTC ngày 03 tháng 2 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Pursuant to Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020, issued by the Ministry of Finance guiding information disclosure on the securities market; Circular No. 68/2024/TT-BTC dated September 18, 2024, Circular No. 18/2025/TT-BTC dated April 26, 2025, and Circular No. 08/2026/TT-BTC dated February 3, 2026, amending and supplementing several articles of Circular No. 96/2020/TT-BTC.

Căn cứ trên Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong báo cáo tài chính riêng sáu tháng đầu năm 2026 và năm 2025.

Based on the Business Production and Operation Results on separate bases in the six-month period ended 30 June 2026 and 2025 financial statements.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát xin giải trình biến động lợi nhuận sau thuế TNDN cho sáu tháng đầu năm 2026 và năm 2025 như sau:

HOA PHAT GROUP would like to provide an explanation for the variance in Profit after Corporate Income Tax on separate bases for the six-month period ended 30 June 2026 and 2025 as follows:

Trong sáu tháng đầu năm 2026, Lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2026 đạt 9.861 tỷ đồng, tăng 4.481 tỷ đồng tương ứng tăng 83% so với cùng kỳ năm 2025 (năm 2025 là 5.380 tỷ đồng). Lý do chính làm tăng kết quả kinh doanh là lợi nhuận công ty con chuyển về năm nay đạt 9.895 tỷ tăng 4.422 tỷ so với cùng kỳ năm trước (năm 2025 là 5.472 tỷ).



In the six-month period ended 30 June 2026, the Company's profit after tax reached VND 9,861 billion, an increase of VND 4,481 billion, equivalent to a 83% increase compared to the same period in 2025 (VND 5,380 billion in 2025). The main reason for the improvement in business results is the profit remitted from subsidiaries this year, which amounted to VND 9,895 billion, an increase of VND 4,422 billion compared to the same period last year (VND 5,472 billion in 2025).

Trân trọng!

Sincerely.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
AUTHORIZED REPRESENTATIVE



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Việt Cường

